TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thành Sinh

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố C, phường H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thế D, sinh năm 1975; Tổ dân phố T, phường H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2025 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thế D kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lư (nay là phường Hoà Bình), thành phố Hải Phòng vào ngày 07/12/2001. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống; anh D không có công việc làm ổn định, thường xuyên rượu chè mắng chửi vợ con vô cớ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Bản thân chị N cũng đã cho anh D rất nhiều cơ hội để thay đổi nhưng anh D vẫn không thay đổi được. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 5 năm 2025 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố Cây Đa, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng và hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Bùi Thị N khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Thế D. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Trần Văn Minh, sinh ngày 15/5/2003 và Trần Minh Tâm, sinh ngày 09/9/2005. Đến nay cả hai con đều đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai cũng như tại biên bản hoà giải tại toà án: Bị đơn anh Trần Thế D trình bày: Anh thừa nhận lời khai của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống tại tổ dân phố Thắng Lợi, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn yêu thương chị N, anh mong muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng lo cho các con nên chị N xin ly hôn anh không đồng ý. Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung tên là Trần Văn Minh, sinh ngày 15/5/2003 và Trần Minh Tâm, sinh ngày 09/9/2005. Đến nay cả hai con đều đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà anh D trình bày nếu chị N trả lại cho anh 200.000.000đồng tiền đền bù ruộng mà mẹ anh đưa cho chị N thì anh đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Thế D. Về con chung đều đã thành niên nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Anh Trần Thế D có đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng nhưng do yêu cầu này đưa ra sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, không liên quan đến vụ án đang giải quyết nên không giải quyết trong vụ án này. Anh Trần Thế D có quyền khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng thành một vụ án khác nếu có yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Trần Thế D hiện cư trú tại phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Thế D được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 07 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân An Lư, huyện Thuỷ Nguyên (nay là phường Hoà Bình), thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Bùi Thị N xin ly hôn với anh Trần Thế D. Anh Trần Thế D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt anh vẫn còn yêu thương chị N nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị N trả lại cho anh 200.000.000đồng tiền đền bù ruộng mà mẹ anh đưa cho chị N thì anh đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, việc đề nghị của anh D là không có căn cứ, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N với anh Trần Thế D.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Trần Thế D có 02 con chung tên là Trần Văn Minh, sinh ngày 15/5/2003 và Trần Minh Tâm, sinh ngày 09/9/2005. Đến nay cả hai con chung đều đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Anh Trần Thế D có đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng nhưng do yêu cầu này đưa ra sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, không liên quan đến vụ án đang giải quyết nên căn cứ khoản 6 Điều 72 và khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận để giải quyết trong vụ án này. Anh Trần Thế D có quyền khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng thành một vụ án khác nếu có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Thế D.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Trần Thế D có 02 con chung tên là Trần Văn Minh, sinh ngày 15/5/2003 và Trần Minh Tâm, sinh ngày 09/9/2005. Đến nay cả hai con chung đều đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Bùi Thị N đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005631 ngày 03 tháng 11 năm 2025. Chị Bùi Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N và anh Trần Thế D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Linh

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1, thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Linh

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1, thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1, thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Linh

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thuỷ Nguyên;
- UBND phường Lập Lễ, TP Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nam Ninh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận Lê Chân;
- Ủy ban nhân dân phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (GCNKH 2014);
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh